

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK Đ
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Thông

Ông Lê Văn Do

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Võ Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Đinh Văn G** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1991 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Ba na; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C (đã chết) và bà Đinh Thị B; bị cáo có vợ tên P và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/9/2020, sau đó tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

2. **N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/2000 tại tỉnh Gia Lai; Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Ba na; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà H; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

****Bị hại:***

- Ông Nguyễn Duy L, sinh năm: 1979. Trú tại: Thôn 10, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. N, sinh ngày: 15/6/2006. Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Nan: Ông C, sinh năm: 1959 (cha đẻ). Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. T, sinh ngày: 16/6/2006. Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Tăng: Ông G, sinh năm: 1958 (cha đẻ). Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Lê Đình T, sinh ngày: 21/02/2003. Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Trục: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1981 (cha đẻ). Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Nsinh năm: 1967. Trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo Đình Văn Gling và Ngừ:* Ông Lưu Đình Q - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người phiên dịch:* Ông J. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2019, sau khi uống rượu Đình Văn G rử N (sinh ngày 15 tháng 06 năm 2006), N cùng trú tại làng Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đi trộm cắp tài sản (cà phê), N và N đồng ý. Ngừ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát (BKS) 81H6-7859 chở G và N đi đến gần sân phơi cà phê nhà ông Nguyễn Duy L do say rượu nên G, N và N vào góc cây cà phê nằm ngủ. Đến khoảng 04 giờ sáng cùng ngày thì tất cả dậy, G, N và N đi đến sân phơi cà phê nhà ông Nguyễn Duy L kéo trộm một bạt chứa cà phê Robusta vỏ khô đem giấu tại khu vực rẫy của ông Bùi Thanh L cách sân phơi cà phê nhà ông Nguyễn Duy L khoảng 500m sau đó G, N, N về nhà ngủ. Đến khoảng 12 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2019, N, N rử T (sinh ngày 16 tháng 6 năm 2006) và Lê Đình T (sinh ngày 21 tháng 02 năm 2003), cùng trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai quay lại nơi cất giấu cà phê để lấy cà phê bán lấy tiền tiêu xài, Trục và Tăng đồng ý. Trục điều khiển xe công nông của gia đình (xe đang để nhà anh Nhớ, trú tại: Làng B, xã I) chở N, N, T đi đến rẫy cà phê của ông Bùi Thanh L nơi giấu bạt cà phê để hót cà phê chở đi bán. Trên đường đi, T và T ghé vào một quán tạp hóa (không rõ địa chỉ) xin 02 bao xác rắn màu trắng mang theo để đựng cà phê. Khi đến vị trí cất giấu cà phê thì N và T đứng canh cho N và T hót cà phê. Khi N và T đang hót cà phê thì bị ông Nguyễn Duy L phát hiện giữ được N và Lê Đình T cùng 01 xe công nông, 01 tấm lưới đựng cà phê, 02 bao xác rắn màu trắng và 177 kg cà phê Robusta vỏ khô, đồng thời trình báo Công an xã I để xử lý theo quy định.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 xe công nông màu xanh, loại tay lái vô lăng;
- 01 xe mô tô BKS 81H6-7859 do Ngừ giao nộp;
- 177 kg quả cà phê Robusta vỏ đã phơi khô;
- 01 tấm lưới, màu đen, kích thước 04m x 08m;

- 02 bao xác rắn màu trắng, mỗi bao có diện 45cm x 85cm.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 120 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định: 177 kg quả cà phê Robusta còn vỏ, đã khô có trị giá là: 3.009.000 đồng và 01 tấm lưới che nắng màu đen, kích thước 04m x 08m (dùng làm bạt phơi cà phê) có trị giá là: 160.000 đồng. Tổng tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có trị giá là: 3.169.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Duy L.

Quá trình điều tra xác định: Đối với xe mô tô BKS 81H6-7859, thuộc sở hữu của ông N là bố ruột của bị cáo N. Ngày 24 tháng 10 năm 2019 Ngõu sử dụng xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản ông N không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho ông N và ông N không có yêu cầu bồi thường gì.

- Đối với xe công nông thuộc sở hữu của ông Lê Văn T là bố ruột của Lê Đình T. Ngày 24 tháng 10 năm 2019, Lê Đình T sử dụng xe công nông trên chổ N, N, T đi lấy tài sản trộm cắp, ông T không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho ông T và ông T không có yêu cầu bồi thường gì.

*** Về dân sự:**

- Bị hại ông Nguyễn Duy L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với bị cáo Đinh Văn G: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo được tại ngoại, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đi khỏi nơi cư trú nhưng không báo cho gia đình, cho chính quyền địa phương và cho các cơ quan tố tụng biết là đi đâu, làm gì nên gây khó khăn, kéo dài thời hạn xét xử. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Đ đề nghị Công an huyện Đ truy nã bị cáo, đến ngày 03/9/2020 bị cáo bị bắt giữ.

Tại Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 16/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Đinh Văn G và Ngõu về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh, điều luật, hình phạt:

+ Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn G và N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h, i, s Khoản 1 và khoản 2 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn G từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 03/9/2020).

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo N từ 04 tháng đến 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Về vật chứng: Đề nghị tiêu thu và tiêu hủy 02 bao xác rắn màu trắng, mỗi bao có diện 45cm x 85cm; còn các vật chứng khác đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, phù hợp với quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

- Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì nữa nên không xem xét.

- Buộc mỗi bị phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* *Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày:* Nhất trí nội dung truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất đầu khung hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 04 giờ sáng ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Thôn 10, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Đinh Văn G, N và đối tượng N đã lén lút trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Duy L 01 tấm lưới màu đen (dùng làm bạt phơi cà phê), kích thước 04m x 08m và 177 kg quả cà phê Robusta vỏ đã phơi khô. Đến khoảng 12 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2019, N, N rủ T và Lê Đình T đến nơi cất giấu cà phê để bán lấy tiền tiêu xài thì bị ông Nguyễn Duy L phát hiện giữ được Nan và Lê Đình T, cùng các tang vật và trình báo Công an xã I, huyện Đ. Qua định giá kết luận: Các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá là 3.169.000 đồng.

[3] Xét thấy, lời khai của các bị cáo Đinh Văn G, N và đối tượng N tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đinh Văn G, N và đối tượng đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá là 3.169.000 đồng. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội nên đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, vào thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên N (sinh ngày 15/0/2006) mới 13 năm 04 tháng 09 ngày tuổi nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với Nan là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy, đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét tích chất, vai trò, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để có một mức án phù hợp.

[4] Đối với bị cáo Đinh Văn G: Trong vụ án, bị cáo vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành, có vai trò chính trong việc trộm cắp tài sản. Mặc dù không

trực tiếp tiêu thụ tài sản sau khi trộm cắp được nhưng bị cáo có đơn đốc, chỉ đạo các đối tượng khác lấy tài sản trộm cắp được để đi tiêu thụ để lấy tiền cùng tiêu xài. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo được tại ngoại, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đi khỏi nơi cư trú nhưng không báo cho gia đình, cho chính quyền địa phương và cho các cơ quan tố tụng biết là đi đâu, làm gì nên gây khó khăn, kéo dài thời hạn xét xử. Do đó, ngày 27/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Đ ra Công văn số: 74/CV-TA đề nghị Công an huyện Đ truy nã bị cáo, ngày 06/8/2020 Công an huyện Đak Đoa ra Quyết định truy nã số: 15/QĐ-CSĐT truy nã bị cáo và đến ngày 03/9/2020 bị cáo bị bắt giữ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa chung tại địa phương. Tuy nhiên, nhận thấy: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có 03 con còn nhỏ; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được theo quy định Điểm h, i, s của khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo N: Trong vụ án, bị cáo là người thực hành trộm cắp tài sản và trực tiếp trong việc rửa rề các đối tượng khác tiêu thụ tài sản sau khi đã trộm cắp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa chung tại địa phương. Tuy nhiên, nhận thấy: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có 03 con còn nhỏ; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được theo quy định Điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử quyết định không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với T (sinh ngày 16/6/2006) và Lê Đình T (sinh ngày 21/02/2003) đã tham gia tiêu thụ tài sản trộm cắp tài sản nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản nêu trên T mới 13 năm 04 tháng 08 ngày tuổi nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với T là phù hợp với quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự; còn đối với Lê Đình T khi thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản nêu trên Trục mới 16 năm 08 tháng 03 ngày tuổi, mặc dù hành vi này của T có dấu hiệu của tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa gây hậu quả, Trục là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Lê Đình T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: 02 bao xác rắn màu trắng, mỗi bao có diện 45cm x 85cm là vật chứng phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy; còn các vật chứng khác của vụ án đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra phù hợp với quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

[7] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì nữa nên không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Văn Gling.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngừu.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn G và N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn G 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 03/9/2020).

- Xử phạt bị cáo N06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

4. Về xử lý về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy 02 bao xác rắn màu trắng, mỗi bao có diện 45cm x 85cm (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Đak Đoa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa ngày 29/6/2020).

5. Về án phí:

Buộc các bị cáo Đinh Văn G và N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng

người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq; ...
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa